

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 183/2023/DS-ST
Ngày 26-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Ngọc Tiến;
- Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở: 201-203 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 2000. (theo Giấy ủy quyền số 63/2023/UQ-AMC ngày 22/02/2023) (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hồ Quốc D, sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: 202/35 đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Acó người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:

Ngày 09/8/2017, ông Hồ Quốc D đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Nam Á) với Ngân hàng TMCP A (viết tắt là Ngân hàng), cụ thể như sau:

- Thẻ Cash Card:

- Số thẻ: 9704280971812647.

- Lãi suất trong hạn: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: 45%/năm (150% x lãi suất trong hạn).

- Hạn mức: 10.000.000đ

2. Thẻ Master Card:

- Số thẻ: 5331470000374938

- Lãi suất trong hạn: 27%/năm; Lãi suất quá hạn: 40,5%/năm (150% x lãi suất trong hạn).

- Hạn mức: 10.000.000đ

- Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.800.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng được 31.478.246đ tính từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay. Do ông D nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, nên từ ngày 26/4/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, cụ thể như sau:

1. Đối với thẻ Cash Card: Tính đến ngày 26/6/2023 thì ông D còn nợ Ngân hàng số tiền là 4.668.866đ (Bốn triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 2.224.469đ, nợ lãi trong hạn là 267.820đ, nợ lãi quá hạn là 2.176.577đ.

2. Đối với thẻ Master Card: Tính đến ngày 26/6/2023 thì ông D còn nợ Ngân hàng số tiền là 17.072.201đ (Mười bảy triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm lẻ một đồng), trong đó nợ gốc là 8.554.302đ, nợ lãi trong hạn là 1.009.924đ, nợ lãi quá hạn là 7.507.975đ.

Tổng số tiền mà ông D nợ Ngân hàng tính đến ngày 26/6/2023 là 21.741.067đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn, không trăm sáu mươi bảy đồng), Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc D phải trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

***Bị đơn ông Hồ Quốc D:** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Xét, bị đơn ông Hồ Quốc D có nơi cư trú tại 202/35 đường A1, Phường B1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Hồ Quốc D đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương L có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và Giấy xác nhận nhận thẻ/pin có cơ sở xác định như sau: Vào ngày 09/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP A với ông Hồ Quốc D có thỏa thuận với nhau về việc Ngân hàng cấp thẻ Cash Card và thẻ Master Card cho ông D sử dụng với mục đích tiêu dùng, hạn mức tín dụng cho mỗi thẻ là 10.000.000đ, lãi suất vay đối với thẻ Cash Card là 30%/năm và thẻ Master Card là 27%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất vay. Xét sự thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông D xuất phát từ sự tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định sau khi được cấp thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.800.000đ, và đã thanh toán cho Ngân hàng được 31.478.246đ tính từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/4/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Cash Card, thẻ Master Card. Tại thời điểm chuyển dư nợ sang nợ quá hạn thì đối với thẻ Cash Card ông D còn nợ tiền gốc là 2.224.469đ, tiền lãi trong hạn là 267.820đ; đối với thẻ Master Card ông D còn nợ tiền gốc là 8.554.302đ, tiền lãi trong hạn là 1.009.924đ. Xét việc ông D không thanh toán nợ cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận được quy định tại Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông D trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Theo điểm b Khoản 1, Khoản 5 của Điều 5 Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì “...Lãi vay: được tính trên dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ được quy định tại Biểu phí thẻ tín dụng do Ngân hàng A ban hành theo từng thời kỳ...”; “...Mức lãi suất, phí được quy định chi tiết tại Biểu phí thẻ tín dụng do Ngân hàng A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu phí thẻ tín dụng là một phần không tách rời của Bản ĐK & ĐK này...”. Xét mức lãi suất mà các bên trong hợp đồng thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Theo Quyết định Ban hành Biểu phí sản phẩm Thẻ A Bank số 155 ngày 23/3/2017 thì Ngân hàng áp dụng mức lãi suất trong hạn đối với thẻ Cash Card là 30%/năm nên lãi suất quá hạn là 45%/năm; đối với thẻ Mastercard là 27%/năm nên lãi suất quá hạn là 40,5%/năm. Như vậy, tổng số tiền mà ông D phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 26/6/2023 là 21.741.067đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn, không trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc của thẻ Cash Card là 2.224.469đ và nợ gốc của thẻ Master Card là 8.554.302đ, nợ lãi trong hạn của thẻ Cash Card là 267.820đ và nợ lãi trong hạn của thẻ Master Card là 1.009.924đ, nợ lãi quá hạn của thẻ Cash Card là 2.176.577đ và nợ lãi quá hạn của thẻ Master Card là 7.507.975đ.

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì “...*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật...*”; “*Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn*”, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 27/6/2023 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Hồ Quốc D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 21.741.067đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn, không trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc của thẻ Cash Card là 2.224.469đ và nợ gốc của thẻ Master Card là 8.554.302đ, nợ lãi trong hạn của thẻ Cash Card là 267.820đ và nợ lãi trong hạn của thẻ Master Card là 1.009.924đ, nợ lãi quá hạn của thẻ Cash Card là 2.176.577đ và nợ lãi quá hạn của thẻ Master Card là 7.507.975đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Quốc D phải chịu số tiền là 1.087.053đ (Một triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi ba đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 468.592đ (Bốn trăm sáu mươi tám ngàn, năm trăm chín mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019499 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Ngọc